

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 05/2022/HC-GĐT

Ngày 13/01/2022

*“Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO**

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hà.

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Thuân;

- Ông Ngô Tiến Hùng;

- Ông Nguyễn Biên Thùy;

- Bà Đào Thị Bích Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa, Thư ký Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 13/01/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hành chính về “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông YLB.

Cư trú tại số nhà 99 Đội 5, Buôn Bl, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Đặng Anh T, sinh năm 1988.

Cư trú tại I10 Trần KD, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 10/9/2020).

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Tuấn H, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2019).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Cổ phần cao su tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ số 30 Nguyễn CT, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn D, Phó trưởng Phòng nhân sự - Pháp chế, là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 03/GYQ-CT ngày 05/3/2019).

2. Nông trường CM - Chi nhánh Công ty Cổ phần cao su tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ Thôn 4, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đặng Quang T1, Giám đốc Nông trường.

3. Bà H' DA1;

4. Chị H' DA2;

5. Chị H' TA;

6. Chị H' HA;

7. Chị H' DA3;

8. Chị H' DN;

Cùng cư trú tại Buôn Bl, xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà H'DA1, chị H'DA2, chị H'TA, chị H'DA3, chị H'DN: Ông Đặng Anh T; cư trú tại I10 Trần KD, thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2020; 27/5/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/01/2019, quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông YLB và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Gia đình ông YLB có 14 ha đất trồng cao su tại xã EK, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; nguồn gốc đất trước đây (nằm trong tổng diện tích 28 ha đất) do ông YM khai hoang. Năm 1989, ông YM cùng 17 hộ gia đình đã làm đơn xin hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê với Liên hiệp các Xí nghiệp cao su tỉnh Đắk Lắk (nay là Công ty Cổ phần cao su ĐK). Đơn được Ủy ban nhân dân xã CM, huyện ES (nay là xã CM, huyện CM) xác nhận. Liên hiệp các xí nghiệp cao su ĐK cũng đã ký kết các hợp đồng vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su với ông YLB.

Ngày 26/9/1995, ông YLB nhận chuyển nhượng 14 ha đất trong tổng số 28 ha đất của ông YM. Hai bên lập giấy viết tay, có xác nhận của Ban quản trị khối 1 Buôn K, Trung tâm cao su CM, Ủy ban nhân dân phường TL, Công ty

Cao su ĐK. Hai bên đã thanh toán xong tiền và đã bàn giao diện tích đất trên thực địa. Tại thời điểm nhận chuyển nhượng, trên đất trồng cây cao su, xen với cây cà phê.

Từ khi nhận chuyển nhượng gia đình ông YLB không thấy chính quyền địa phương triển khai, thông báo cho các hộ dân về việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, đến năm 1998, cây cao su cho thu hoạch, bắt đầu từ đó hàng năm gia đình ông YLB phải nộp sản lượng khoán cho Công ty. Từ khi nhận chuyển nhượng, gia đình ông YLB vẫn nộp thuế sử dụng đất nông nghiệp cho Ủy ban nhân dân xã EK.

Năm 2018, gia đình ông YLB được Công ty Cao su thông báo cho biết là 14 ha đất của gia đình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su CM thuộc Công ty cao su ĐK. Gia đình ông YLB khiếu nại và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trả lời tại Quyết định số 64//QĐ-UBND ngày 11/01/2019, nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông YLB về việc khiếu nại Quyết định số 2782/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho Nông trường Cao su CM thuê 17.752.447 m² đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường Cao su CM.

Ngày 28/01/2019, ông YLB có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho Nông trường cao su CM từ năm 2008 trong đó có 14 ha đất mà gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông YM.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk do người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 26/9/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2655/QĐ-UB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R596465 cho Nông trường Cao su N và cấp đổi sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434862 và AH 434861 cho Nông trường cao su CM theo Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường Cao su CM được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật đất đai năm 2003.

Diện tích 14ha đất ông YLB khởi kiện nằm trong diện tích 1.775.244,7 m² tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 ngày 21/10/2008 của Nông trường cao su CM. Theo các tài liệu trong hồ sơ xin nhận khoán trồng cao

su thể hiện mọi điều khoản trong hợp đồng kinh tế trồng mới và chăm sóc cao su mà ông YM đã ký kết với Công ty cao su ĐK, ông YLB phải có trách nhiệm, nghĩa vụ thực hiện các nội dung tại các hợp đồng mà ông YM đã ký trước đó.

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ông YLB có xuất trình chứng cứ là Giấy chuyển nhượng trồng cao su năm 1990; danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại Buôn Bl. Theo Giấy ủy quyền chuyển nhượng vườn cao su trồng năm 1990 giữa ông YM và ông YLB và ông Đinh Công H1 ngày 26/9/1995 được Ban tự quản khối 1 Buôn KS và Ủy ban nhân dân phường TL, thành phố BMT xác nhận chỉ thể hiện ông YM có hộ khẩu thường trú ở Buôn KS, không thể hiện việc ông YM sang nhượng đất cho ông YLB. Theo danh sách các hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su tại Buôn Bl do ông YM lập ngày 03/9/1989 có nội dung 18 hộ dân có đất rẫy để trồng cà phê có vay vốn của Liên hiệp các Xí nghiệp cao su ĐK. Tuy nhiên, tại Kết luận số 18/PC45 ngày 01/6/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk và Công văn số 2053/PC64(Đ3) ngày 20/10/2017 trả lời của Phòng cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh Đắk Lắk thể hiện thời điểm Ủy ban nhân dân xã CM xác nhận vào danh sách này là sau ngày 06/9/1995.

Do vậy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 về việc giải quyết khiếu nại của ông YLB, nội dung không chấp nhận đơn khiếu nại của ông YLB là phù hợp, đúng quy định. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông YLB.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty Cổ phần cao su ĐK trình bày:

Thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Tổng cục cao su Việt Nam về việc ký kết hợp đồng nguyên tắc trồng cao su với Cộng hòa dân chủ Đức, ngày 23/11/1989 Liên hiệp các Xí nghiệp cao su ĐK (nay là Công ty Cổ phần cao su ĐK) đã ký kết hợp đồng với Xí nghiệp thi công cơ giới nông nghiệp để khai hoang phục hóa 430 ha đất tại Nông trường N (đơn vị trực thuộc Công ty Cổ phần cao su ĐK). Tại biên bản nghiệm thu đợt 1 ngày 22/02/1990 thể hiện, đại diện chủ hộ liên kết ông YM xác nhận khối lượng diện tích đã khai hoang 100 ha hoàn chỉnh và cày rạch hàng.

Tháng 8/1989, các ông YM, ông YGM, ông YRN (đại diện cho một số hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su Buôn Bl) đứng tên trong đơn xin Hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê. Trong đơn có nêu xin được liên kết trồng cao su với Liên hiệp các Xí nghiệp cao su, diện tích xin 100 ha. Đơn này được xác nhận

của Liên hiệp các Xí nghiệp cao su ĐK: “đề nghị Nông trường tạo điều kiện khoanh đất cho đồng bào sản xuất”.

Ngày 20/3/1990, Công ty cao su ĐK ban hành Quyết định số 01/90/QĐ-LH giao 100,7 ha đất đã khai hoang năm 1990 thuộc lô số 1, 4, 5, 13, 14 của Nông trường N (vùng đội 5) cho ông YM để trồng cao su liên kết (kèm theo quyết định là mặt bằng vị trí khu đất liên kết năm 1990). Ngày 15/3/1991, ông YM trả lại cho Nông trường N diện tích 55,2 ha, chỉ giữ lại 46,1 ha và ký kết hợp đồng vay vốn để trồng mới cao su. Năm 1993, ông YM tách cho bà H' DA1 (vợ ông YM) 18ha, còn lại 28 ha của ông YM. Năm 1995, ông YM chuyển nhượng lại 14 ha vườn cao su cho ông YLB và 14 ha cho ông Đình Công H1; Giấy chuyển nhượng có xác nhận và được sự đồng ý của Giám đốc Công ty cao su ĐK. Sau đó, Trung tâm cao su CM ký kết hợp đồng vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cao su với ông YLB và hợp đồng được thực hiện cho đến nay.

Ngày 06/9/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R596465, diện tích 16.987.647 m² cho Nông trường cao su N (nay là Nông trường cao su CM), trong đó có phần đất mà trước đây Liên hiệp các Xí nghiệp cao su ĐK đã giao cho ông YM trồng cao su.

Ngày 21/10/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 2782/QĐ-UBND cho Nông trường cao su CM thuê 17.752.447 m² và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường cao su CM. Phần diện tích 14 ha cao su liên kết với ông YLB nằm trong tổng diện tích 17.752.447 m² đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cho Nông trường cao su CM thuê và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861.

Theo giấy chuyển nhượng vườn cây cao su thể hiện ông YM chỉ chuyển nhượng vườn cây cao su, không chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông YLB là không có cơ sở. Việc Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su CM là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông YLB.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nông trường cao su CM trình bày:

Thông nhất với lời trình bày của Công ty Cổ phần cao su ĐK, đề nghị Tòa án giải quyết đơn khởi kiện của ông YLB theo đúng quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà H' DA1; chị H' DA2; chị H' TA nhất trí với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông YLB.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 08/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông YLB về việc Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Ngày 18/11/2019, ông YLB có đơn kháng cáo.

Tại Bản án hành chính phúc thẩm số 164/2020/HC-PT ngày 13/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định:

1. Hủy toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 37/2019/HC-ST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

2. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 02/12/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Văn bản số 720/2020/CV-TA kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại Bản án hành chính phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 47/2021/KN-HC ngày 01/10/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định kháng nghị đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 164/2020/HC-PT ngày 13/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 164/2020/HC-PT ngày 13/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao nhất trí với Quyết định kháng nghị nghị giám đốc thẩm của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 28/01/2019, ông YLB có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết khiếu nại của ông yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp cho

Nông trường cao su CM từ năm 2008 trong đó có 14 ha đất mà gia đình ông nhận chuyển nhượng của ông YM.

[2] Diện tích 14 ha đất mà ông YLB khiếu nại nằm trong tổng diện tích 17.130.039 m² đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su CM thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp cao su ĐK (nay là Công ty cổ phần cao su ĐK), có nguồn gốc là của Liên hiệp các xí nghiệp cao su ĐK khai hoang phục hóa để thực hiện dự án vay vốn và thực hiện hiệp định hợp tác với Cộng hòa dân chủ Đức (theo Quyết định số 84/CT ngày 25/3/1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về giao Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trực tiếp nhận vốn vay và thực hiện dự án; Quyết định số 510/QĐ-UB ngày 13/4/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ủy quyền cho Liên hiệp trực tiếp nhận vốn vay và thực hiện Hiệp định).

[3] Thực hiện Quyết định số 84/CT ngày 25/3/1988 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng nêu trên và căn cứ Đơn xin hợp đồng liên kết trồng cao su xen cà phê của ông YM, Liên hiệp các xí nghiệp cao su ĐK (sau này là Công ty cổ phần cao su ĐK) đã ký các Hợp đồng kinh tế vay vốn dài hạn, trồng mới và chăm sóc cao su thiên nhiên ngày 16/12/1989; ngày 01/7/1992 và ngày 01/4/1993 với ông YM; theo đó ông YM được vay vốn dài hạn trồng mới và chăm sóc cây cao su và được quyền sang nhượng vườn cao su cho người khác nhưng phải được sự đồng ý của Liên hiệp các xí nghiệp cao su ĐK; phải chịu kiểm tra thường xuyên của Liên hiệp các xí nghiệp cao su ĐK về sử dụng đất và có trách nhiệm quản lý sử dụng đất đai Nhà nước giao; không được làm nhà kiên cố trên đất đang sử dụng; Bên cho vay vốn có quyền đình chỉ việc cho vay, thu hồi toàn bộ diện tích cao su nếu ông YM vi phạm nghiêm trọng nguyên tắc quản lý kinh tế, quy trình kỹ thuật làm ảnh hưởng đến vườn cây.

[4] Ngày 26/9/1995, ông YM đã làm “Giấy chuyển nhượng vườn cao su” cho ông YLB 14 ha trong tổng số 28 ha đất vườn cao su được giao. Mặc dù trong Giấy chuyển nhượng có ghi *“thống nhất chuyển nhượng số diện tích đất nói trên... và từ nay trở đi hai hộ trên có quyền sở hữu lâu dài”*, nhưng tại phần xác nhận, Giám đốc Công ty cao su đã ghi: *Người nhận lại vườn cây phải là hộ gia đình dân tộc tại huyện CM, có điều kiện tiếp tục chăm sóc vườn cây và kế thừa nghĩa vụ trả nợ cam kết trong hợp đồng mà ông YM đã ký trước đây với Công ty; vợ chồng ông YLB cũng có Giấy cam kết ngày 02/10/1995 gửi Liên hiệp các xí nghiệp cao su ĐK cam kết thực hiện mọi điều khoản trong hợp đồng kinh tế trồng mới và chăm sóc cao su mà ông YM đã ký với Liên hiệp các xí nghiệp cao su ĐK nay là Công ty cổ phần cao su ĐK. Như vậy, có cơ sở xác định nguồn gốc 14 ha đất mà ông YLB khiếu nại không phải là của ông YM, mà là của Nhà nước giao cho Công ty cổ phần cao su ĐK để thực hiện dự án nên*

ông YM không có quyền chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho người khác; Giấy chuyển nhượng vườn cao su của ông YM chỉ là chuyển nhượng vườn cao su là tài sản trên đất, không phải chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[5] Ông YLB cung cấp danh sách 18 hộ dân có đất rẫy xin trồng cao su (tài liệu được gửi kèm hồ sơ xin vay vốn trồng cao su của ông YM trước đây) để cho rằng phần đất ông nhận chuyển nhượng của ông YM là đất của người dân khai phá đưa vào liên kết với Công ty cổ phần cao su ĐK để trồng cao su là không có cơ sở. Bởi lẽ, theo Kết luận giám định số 18/PC45 ngày 01/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk thì con dấu đóng trên bản danh sách chỉ đến năm 1995 mới có trong khi bản danh sách được lập từ năm 1989. Mặt khác, tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông YLB cũng thừa nhận *“ông YM sang nhượng 28 ha cho ông YLB và ông H1. Ông YM làm giảm (giả) tài liệu này với mục đích bán vườn cây cho ông YLB, còn đất thì không bán”*.

[6] Ngày 06/9/2001, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R596465 cho Nông trường cao su N - Công ty cao su ĐK, diện tích 16.987.647 m² đất tại xã EK, huyện CM. Ngày 21/10/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 434861 cho Nông trường cao su CM diện tích 17.130.039 m² tại xã EK, huyện CM là đúng về thẩm quyền, đúng đối tượng theo quy định tại Điều 49, khoản 1 Điều 52 Luật Đất đai năm 2003; Điều 52, Điều 137 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai.

[7] Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 11/01/2019 giải quyết không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của ông YLB khiếu nại Quyết định số 2782/QĐ-UBND ngày 21/10/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Nông trường cao su CM là có cơ sở. Ông YLB khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 64/QĐ-UBND nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu của ông YLB là có căn cứ.

[8] Tòa án cấp phúc thẩm căn cứ vào Biên bản nghiệm thu đợt I giữa Hội đồng nghiệm thu và đại diện đơn vị thi công ngày 22/02/1990, thể hiện hộ gia đình ông YM khai hoang 100 ha đất; căn cứ Giấy chuyển nhượng vườn cao su trồng năm 1990 ghi ngày 25/10/1995, có nội dung ông YM chuyển nhượng cho vợ chồng ông YLB và bà H'DA1 diện tích 14 ha đất và cây trồng trên đất và trình bày của ông YLB cho rằng sau khi nhận chuyển nhượng đất và cây trồng trên đất từ năm 1995, gia đình ông quản lý, sử dụng làm nhà ở và trồng cà phê, cây bơ, cây sầu riêng... đồng thời, cho tặng các con đất để canh tác và đã được

thu hoạch. Từ đó Tòa án cấp phúc thẩm đã nhận định cho rằng những người con của ông YLB có quyền lợi trực tiếp liên quan đến diện tích đất 14 ha (đất, nhà và tài sản trên đất) nhưng chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk xem xét, giải quyết; Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ; không đưa đầy đủ những người này vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm Điều 58 Luật tố tụng hành chính. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm đã hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử sơ thẩm lại là không đúng. Bởi lẽ, theo “Giấy chuyển nhượng vườn cao su” ngày 26/9/1995 và Giấy cam kết của ông YLB ngày 02/10/1995 thể hiện ông YLB vẫn phải thực hiện những nghĩa vụ trong các hợp đồng kinh tế mà ông YM đã ký kết trước đó, nên việc ông YLB làm nhà ở trên đất và trồng các loại cây khác không phải cây cao su là sử dụng đất không đúng mục đích, vi phạm quy định tại Điều 38 Luật đất đai năm 2003. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông YLB và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ, các con của ông YLB không có ý kiến gì về việc cho đất, làm nhà, tài sản trên đất, mà thống nhất với toàn bộ ý kiến của ông YLB.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 1 Điều 271, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tố tụng hành chính.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 47/2021/KN-HC ngày 01/10/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Bản án hành chính phúc thẩm số 164/2020/HC-PT ngày 13/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Hủy Bản án hành chính phúc thẩm số 164/2020/HC-PT ngày 13/9/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

3. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng để xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để báo cáo);
- VKSNDTC (Vụ 10 - để biết);
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- (kèm hồ sơ vụ án);
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THA dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Vụ GDKTIII (3b), Vụ PC&QLKH
- VP (TANDTC), Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hà

